

# NHU CẦU TƯ VẤN, CHĂM SÓC TÂM LÝ CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

TS. TRẦN THỊ MỸ LƯƠNG\*

## 1. Tính cấp thiết của vấn đề

Lứa tuổi học sinh (HS) trung học cơ sở (THCS) - tuổi thiếu niên có một vị trí đặc biệt trong thời kì phát triển của trẻ em. Tuổi này được phản ánh bằng những tên gọi khác nhau như: “thời kì quá độ”, “tuổi khó bảo”, “tuổi khủng hoảng”... cho thấy tính chất phức tạp và tầm quan trọng của lứa tuổi này trong tiến trình phát triển tâm lý (TL). Đây là thời kì chuyển từ thời thơ ấu sang tuổi trưởng thành, được đánh dấu bằng sự phát triển mạnh mẽ, đầy biến động, thiếu cân đối về tâm, sinh lí. Những đột biến về cơ thể với đặc trưng là sự dậy thì, sự phát triển của ý thức và tự ý thức, tính tích cực xã hội làm xuất hiện ở thiếu niên cảm giác mới lạ, độc đáo - cảm giác mình là người lớn. Tuy nhiên, do nhận thức cùng khả năng đánh giá và kinh nghiệm sống còn hạn chế nên trên thực tế, các em vẫn còn phụ thuộc nhiều vào người lớn. Điều này tạo ra mâu thuẫn giữa một mặt là mong muốn khẳng định bản thân với hiện thực các em vẫn là học trò dưới sự kiểm soát của cha mẹ, nhà trường. Những khía cạnh trên đã tạo ra ở HS THCS các hoàn cảnh xã hội có tính không xác định và không ổn định. Đây là nguyên nhân có thể làm nảy sinh những rối nhiễu TL, rối nhiễu hành vi, như: khép mình (cô độc, kém năng động, mâu thuẫn với bố mẹ, thầy cô), lo lắng, âu sầu, thiếu tập trung, ý nghĩa khác lạ (tự xâm hại bản thân), hành vi sai trái (chửi bậy, ăn cắp, bỏ học, dùng các chất kích thích, gây hấn, bạo lực). Số liệu thống kê được đưa ra tại Hội thảo quốc tế “Can thiệp và phòng ngừa các vấn đề sức khỏe tinh thần ở trẻ em” diễn ra tại Hà Nội (2007) cho thấy: tỉ lệ trẻ em ở lứa tuổi học đường có dấu hiệu rối nhiễu TL là hơn 20%. Bên cạnh đó, theo thống kê của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: tỉ lệ người phạm tội ở lứa tuổi HS ngày một tăng (năm 1986 có 3.607 người; năm 1996 có 11.726 người). Vì thế, theo chúng tôi, nhu cầu về trợ giúp TL ở HS THCS là rất lớn. Đối với các em, chăm lo đời sống TL là nền tảng để phát triển và hoàn thiện nhân cách cho các em.

## 2. Nhu cầu tư vấn, chăm sóc TL của HS THCS

Nhu cầu được tư vấn, chăm sóc TL của HS THCS là những đòi hỏi, mong muốn và nguyện vọng trong

việc thực hiện và can thiệp các khó khăn TL của HS THCS trong các lĩnh vực: nhận thức, hành vi, cảm xúc hoặc xã hội ở trong môi trường học đường, gia đình và xã hội.

Về cơ bản, nhu cầu được chăm sóc TL của HS THCS có ở trên nhiều lĩnh vực, bao gồm: nhu cầu được trợ giúp trong học tập, nhu cầu được trợ giúp về sự phát triển sinh lí bản thân, nhu cầu được trợ giúp trong giao tiếp ứng xử, nhu cầu được trợ giúp trong quan hệ bạn bè, nhu cầu được trợ giúp trong quan hệ với cha mẹ/người thân, nhu cầu được trợ giúp trong quan hệ với thầy cô giáo, nhu cầu được trợ giúp trong quan hệ với bạn khác giới, nhu cầu được trợ giúp trong định hướng nghề nghiệp.

Tại Việt Nam, trong nhiều năm gần đây, tầm quan trọng của vấn đề này được các nhà TL học, các nhà quản lí giáo dục rất quan tâm, đặc biệt từ sau Chỉ thị số 9971/BGD&ĐT-HSSV của Bộ GD-ĐT về việc triển khai công tác tư vấn/tham vấn cho HS, sinh viên đã nêu rõ: “Công tác tư vấn (có nơi gọi là tham vấn) hướng nghiệp và tư vấn về TL xã hội, gọi chung là tư vấn học đường, chủ yếu phải tập trung vào HS khối THCS và trung học phổ thông” đã khẳng định vai trò của hoạt động tư vấn, chăm sóc TL cho HS trong giai đoạn hiện nay.

Theo những khảo sát mà chúng tôi đã tiến hành trên HS THCS, các em có tần suất gặp khó khăn ở mức độ thỉnh thoảng và thường xuyên ở một số lĩnh vực nổi bật theo thứ bậc như: học tập; quan hệ với cha mẹ, người thân; giao tiếp ứng xử; sự phát triển tâm, sinh lí của bản thân; định hướng nghề nghiệp chiếm tỉ lệ 2/3 HS trong mỗi lớp học. HS càng lên lớp cao thì tần suất gặp khó khăn vướng mắc càng tăng lên.

Trong lĩnh vực học tập, các khó khăn mà các em gặp phải là: chưa có phương pháp học tập, chưa biết lên kế hoạch học tập hiệu quả, lo lắng về năng lực học tập của bản thân; nội dung môn học khó; yêu cầu cao; áp lực điểm số thi cử.

\* Khoa Tâm lí - Giáo dục, Trường Đại học sư phạm Hà Nội

*Trong phát triển tâm, sinh lí, những khó khăn bao gồm: không tự tin về hình ảnh của bản thân; không có hiểu biết cơ bản về sự phát triển TL của bản thân; lơ đãng thiếu tập trung; khó kiểm chế, làm chủ cảm xúc hành vi của bản thân; tính tình thất thường; hay so sánh mình với người khác; đánh giá quá cao về bản thân; có những thắc mắc về vấn đề giới tính.*

*Trong lĩnh vực giao tiếp ứng xử, các em thường gặp khó khăn ở những vấn đề sâu: bối rối khó diễn đạt suy nghĩ/tưởng của mình; lúng túng thiếu tự tin khi tiếp xúc, trò chuyện với mọi người; khó thiết lập quan hệ với người khác; không biết cách bắt đầu, gợi mở câu chuyện; không dám/khó từ chối những yêu cầu vô lí, có thể gây hại cho bản thân; khó hòa nhập với môi trường mới.*

*Những khó khăn trong quan hệ với thầy cô giáo: không tự tin khi trao đổi với thầy cô giáo về các vấn đề học tập và cuộc sống; lo lắng sợ hãi khi thầy cô kiểm tra bài hoặc khiển trách; cảm thấy thầy cô xa cách; không được thầy cô quan tâm thấu hiểu; bất bình vì thầy cô đối xử thiên vị; hay bị thầy cô phê bình khiển trách; thiếu tin tưởng thầy cô giáo; thiếu tôn trọng thầy, cô giáo.*

*Trong quan hệ với cha mẹ, người thân: không nói chuyện chia sẻ được với cha mẹ; cha mẹ hay trách mắng; không muốn cha mẹ can thiệp quá nhiều vào những chuyện cá nhân; bất bình vì bị cha mẹ đối xử thiếu công bằng; gia đình có những bất hòa; cha mẹ/ người thân xa cách.*

Ở lứa tuổi HS THCS, *tình bạn khác giới* xuất hiện đã mang theo những rung cảm đầu đời, nhưng chưa bền vững, dễ thay đổi. Song, điều đó cũng ảnh hưởng lớn đến đời sống cũng như học tập của các em. Trong quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy, khó khăn các em gặp phải tập trung cao ở các khía cạnh: sợ người khác hiểu lầm khi chơi với bạn khác giới; bị gán ghép với bạn khác giới; khó khăn trong giao tiếp ứng xử với bạn khác giới; khó xây dựng tình bạn với bạn khác giới; bị các bạn khác giới trêu chọc; bị lạm dụng; mất quá nhiều thời gian cho những mối quan hệ này.

*Trong vấn đề định hướng nghề nghiệp, những khó khăn các em thường gặp: lo lắng về nghề nghiệp tương lai; không biết mình phù hợp với ngành nghề nào; không biết rõ ngành nghề mình chọn có yêu cầu gì về phẩm chất và năng lực; thiếu thông tin về trường đào tạo; áp lực từ sự tác động của bạn bè; không hiểu nhu cầu nghề nghiệp trong xã hội; áp lực từ sự tác động của cha mẹ người thân.*

Ở HS THCS, kiến thức và kĩ năng của các em về mọi lĩnh vực trong cuộc sống còn hạn chế. Vì vậy, các

em có nhu cầu cao được trang bị kĩ năng giải quyết khó khăn, tập trung ở các lĩnh vực như: học tập, quan hệ với cha mẹ/người thân, phát triển tâm, sinh lí của bản thân, định hướng nghề nghiệp.

Tóm lại, dưới góc độ lớp học, từ HS lớp 7 trở lên các em có nhu cầu trợ giúp, chăm sóc TL cao hơn hẳn. Đối với HS lớp 6, các em quan tâm nhiều đến học tập, các mối quan hệ với thầy cô/cha mẹ. Nhưng các em lớp lớn có xu hướng quan tâm nhiều hơn đến học tập, định hướng nghề nghiệp, phát triển tâm, sinh lí của bản thân và tình bạn khác giới, tình yêu.

Cũng theo kết quả khảo sát của chúng tôi, HS THCS có nhu cầu được hỗ trợ TL từ các lực lượng xếp theo thứ bậc như sau: cha mẹ, người thân, thầy cô giáo, bạn bè, các chuyên gia TL và các đối tượng khác.

Khi gặp khó khăn TL, cách thức hỗ trợ mà các em mong muốn nhận được ở mức độ cao là: đưa ra lời khuyên, giải đáp cho các em; giúp các em phân tích vấn đề để tự lựa chọn cách giải quyết; lắng nghe các em chia sẻ và muốn là người chủ động giải quyết khó khăn chứ không phải cách thức thay thế các em giải quyết vấn đề.

Xét về hình thức trợ giúp TL mà HS THCS mong muốn nhận được, xếp theo thứ tự: tư vấn TL trực tiếp; tư vấn theo lớp theo chi đoàn; tư vấn nhóm lớn và tư vấn qua thư viết tay; tư vấn qua điện thoại; tư vấn qua các dịch vụ internet. Nhìn chung các em có nhu cầu hỗ trợ TL trực tiếp hơn gián tiếp, theo nhóm hơn là theo cá nhân.

Những nguyện vọng của các em đối với nhà trường trong việc chăm sóc TL: tổ chức các khóa học về giá trị sống, kĩ năng sống cho HS; tư vấn cho phụ huynh, giáo viên về kĩ năng, kiến thức giáo dục HS; tổ chức câu lạc bộ cha mẹ với các chủ đề sinh hoạt giáo dục con; tổ chức những buổi đánh giá TL cho HS trong trường do chính chuyên gia TL học đường đảm nhận; mở phòng TL học đường trong trường để trợ giúp TL thường xuyên cho các em; tổ chức tham vấn/ tư vấn TL cho cá nhân và nhóm theo chủ đề.

### **3. Thực trạng đáp ứng nhu cầu chăm sóc TL cho HS THCS hiện nay**

Thực trạng phân tích ở trên cho thấy, nhu cầu được hỗ trợ, chăm sóc TL của HS THCS là rất lớn. Thế nhưng, đại đa số ở các trường phổ thông hiện nay chưa cung cấp các dịch vụ TL học đường tại chỗ. Hầu hết, việc đáp ứng nhu cầu hỗ trợ TL cho HS THCS chỉ mang tính tự phát, kinh nghiệm. Từ phía cha mẹ: họ tạo mọi điều kiện tốt nhất có thể cho con được học tập, vui chơi; lắng nghe chia sẻ của con; trong đó nhiều phụ huynh vẫn cho rằng hình thức

giáo dục rắn đẽ nghiêm khắc là phương pháp hiệu quả trong giáo dục con cái.

Trong các nhà trường hiện nay vẫn chú trọng tập trung dạy kiến thức mà chưa chú trọng đến vấn đề chăm sóc TL học đường. Đối với giáo viên, hầu hết các thầy cô phụ trách một chuyên môn cụ thể, các thầy cô chưa được trang bị các kiến thức, kỹ năng về chăm sóc TL học đường, nên việc đáp ứng nhu cầu chưa hiệu quả. Giáo viên tư vấn học đường có chuyên môn hiện đang rất thiếu.

Phòng TL học đường là mô hình trợ giúp TL học đường cho các em HS. Ở đó, cán bộ TL học đường có nhiệm vụ phòng ngừa, sàng lọc và phát hiện sớm, can thiệp sớm những rối nhiễu tinh thần của HS, tư vấn giúp HS giải quyết các khó khăn TL gặp phải. Đồng thời, phòng cũng tư vấn cho phụ huynh HS và giáo viên của nhà trường giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giáo dục HS. Tuy nhiên, trong các nhà trường hiện nay có rất ít trường có phòng TL học đường, chỉ mới có ở một số ít trường, tập trung ở các thành phố lớn.

Như vậy, theo chúng tôi, việc đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, chăm sóc TL HS là chưa hiệu quả và thỏa đáng so với thực trạng nhu cầu cấp bách này ở các em. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Minh Đức. **Tham vấn tâm lí**. NXB Đại học quốc gia, H. 2005.
2. Dương Diệu Hoa (chủ biên) - Nguyễn Ánh Tuyết - Nguyễn Kế Hào - Phan Trọng Ngọ - Đỗ Thị Hạnh Phúc. **Giáo trình Tâm lí học phát triển**. NXB Đại học sư phạm, H. 2008.
3. Nguyễn Thị Mùi. Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ "Xây dựng mô hình phòng tham vấn học đường trong các trường trung học phổ thông". Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2009.
4. Trần Thị Lệ Thu. **Công tác tâm lí học đường tại Trường Đại học sư phạm Hà Nội và một số đề xuất về đào tạo cán bộ tâm lí học trường học tại Việt Nam**. Kỷ yếu Hội thảo nhu cầu, định hướng và đào tạo tâm lí học đường tại Việt Nam. Viện Tâm lí học, 2009; tr.312-319.
5. A.V. Petrovski. **Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm**, tập 1. NXB Giáo dục, H. 1998.

#### SUMMARY

*Ages junior high school students is complex phases ages with physical and mental difficulties they encountered, and the need for counseling, psychological care of children is huge. The clarification of the areas where children often have problems, needs assessment, psychological support how they will help teachers, parents support children effectively in the process of development and perfection personified.*

## Mô hình và nhân tố tác động...

(Tiếp theo trang 7)

*Community Engagement*. Shaping Thurrock, September. 2006.

5. Epstein, J. L. "Improving family and community involvement", *Principal Leadership*, October 2007.

6. Huitt, W. *A Transactional Model of The Teaching and Learning Process*, Educational Psychology Interactive, Valdosta State University, Valdosta. 2003.

7. Lee, F. T. and Han, Y. B. (*Application of Effective Teaching and Learning Methods in Engineering Education*, Monash University Malaysia, Malaysia. 2005.

8. Nasseh, B. (*Changing Definition of Teaching and Learning*, Ball State University. 2001.

9. Sylvia, L. M. *What matters in plotting your journey to effective teaching and learning?* Jones & Bartlett Learning. 2010.

#### SUMMARY

*The author analyzing model and basic factors influencing the success of teaching management at upper secondary schools: 1) Context management; 2) Input management; 3) Class and extra-curricular activity management; 4) Output management.*

## Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực...

(Tiếp theo trang 22)

và thực tiễn. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2012.

3. Vũ Văn Phúc. **An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới 2020**. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2012.

4. **Hội thảo khoa học quốc tế "Thực tiễn và hội nhập trong phát triển công tác xã hội ở Việt Nam"**. NXB Thanh niên, H. 2014.

5. P Spicker, 1993, *Poverty and social security*, Routledge - J Millar (ed), 2003, *Understanding social security*, Policy Press - R Walker, 2004, *Social security and welfare*, Open University Press.

6. R Griffiths. **Community care: agenda for action**. Department of Health and Social Security. 1988.

#### SUMMARY

*Social welfare system is one of the part in the social development model to achieve the targets of wealthy people, powerful, democratic, equal and civilized country. This paper focuses on evaluating the demand of higher education training on social welfare, including identifying the training needs and necessity; suggested solutions for higher education education training on social welfare in Vietnam currently.*